

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”

Thực hiện Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 207/TTr-SNN ngày 29/9/2023 và Tờ trình số 189/TTr-SNN ngày 28/8/2023,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh. Nhằm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC), nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Các đơn vị nghiêm túc triển khai nhiệm vụ được giao nhằm thực hiện hiệu quả Đề án “Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

- Trong quá trình triển khai, linh động theo tình hình thực tế để tích cực lồng ghép các chương trình, dự án nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1.1. Hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Nhiệm vụ:

+ *Giai đoạn 2023-2025*: Hình thành 01 vùng NNUDCNC.

+ *Giai đoạn 2026-2030*: Hình thành 05 vùng NNUDCNC.

- Đơn vị chủ trì:

+ *Giai đoạn 2023-2025*: UBND huyện Bù Đăng chủ trì hình thành 01 vùng NNUDCNC.

+ *Giai đoạn 2026-2030*: UBND các huyện gồm: Bù Gia Mập, Phú Riềng, Lộc Ninh, Đồng Phú, Bù Đốp mỗi đơn vị chủ trì hình thành 01 vùng NNUDCNC.

- Đơn vị phối hợp:

Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn UBND các huyện về tiêu chí, thành phần hồ sơ, thủ tục cần thiết để UBND tỉnh công nhận vùng NNUDCNC.

- Thời gian thực hiện:

+ *Giai đoạn 2023-2025*: UBND huyện Bù Đăng: Xác định vùng NNUDCNC, lập hồ sơ trong năm 2024; đề nghị công nhận vùng NNUDCNC trong năm 2025; triển khai hoạt động vùng NNUDCNC từ năm 2026.

+ *Giai đoạn 2026-2030*: UBND các huyện: Bù Gia Mập, Phú Riềng, Lộc Ninh, Đồng Phú, Bù Đốp: Xác định vùng NNUDCNC, lập hồ sơ đến hết quý II/2025; đề nghị công nhận vùng NNUDCNC trong quý IV/2026; triển khai hoạt động vùng NNUDCNC từ quý I/2027.

1.2. Hình thành Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Nhiệm vụ: Hình thành 01 Khu NNUDCNC.

- Đơn vị chủ trì: Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

1.3. Đối với các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thành lập

- Nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện rà soát các Khu NNUDCNC đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thành lập, nếu các Khu NNUDCNC chưa được thành lập theo quy định hoặc không còn phù hợp thì tham mưu, điều chỉnh, bãi bỏ theo quy định.

- Tổ chức thực hiện: Ban Quản lý Khu kinh tế phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan: rà soát lại các Khu NNUDCNC, đề xuất Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ hoặc điều chỉnh các Nghị quyết về thành lập các Khu NNUDCNC, tham mưu UBND tỉnh bãi bỏ hoặc điều chỉnh các Quyết định thành lập các Khu NNUDCNC đúng quy định. Phối hợp với Sở Nông

ng nghiệp và PTNT trong việc tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khu NNUDCNC.

- **Thời gian thực hiện:** Năm 2024.

2. Sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên các loại cây trồng

2.1. Đối với cây Điều

- **Nhiệm vụ:** Mở rộng diện tích trồng Điều sạch đến năm 2025 đạt 6,9%, trong đó, sản xuất hữu cơ đạt 3,3%. Đến năm 2030, đạt khoảng 14,5%, trong đó, chứng nhận hữu cơ khoảng 5%, nâng cao diện tích Điều được trồng bằng các giống năng suất cao, chất lượng tốt.

- **Đơn vị chủ trì:** UBND các huyện trọng điểm trồng Điều, gồm: Bù Gia Mập, Bù Đăng, Phú Riềng, Đồng Phú và các địa phương còn lại; mỗi huyện chủ trì xây dựng kế hoạch, thực hiện có mục tiêu tại địa phương theo từng giai đoạn, cụ thể:

+ *Giai đoạn 2023-2025:* Đến năm 2025, mỗi huyện có diện tích Điều sạch đạt 6,9%, trong đó, sản xuất hữu cơ đạt 3,3%, nâng cao diện tích Điều được trồng bằng các giống năng suất cao, chất lượng tốt.

+ *Giai đoạn 2026-2030:* Đến năm 2030, mỗi huyện có diện tích Điều sạch đạt khoảng 14,5%, trong đó, chứng nhận hữu cơ khoảng 5%, nâng cao diện tích Điều được trồng bằng các giống năng suất cao, chất lượng tốt.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn tiêu chí sản xuất an toàn, sản xuất có chứng nhận; các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

2.2. Đối với cây Tiêu

- **Nhiệm vụ:** Đến năm 2025 đạt khoảng 26,9% diện tích sản xuất Tiêu sạch, trong đó, khoảng 1% sản xuất hữu cơ. Đến năm 2030, đạt khoảng 45% diện tích sản xuất Tiêu sạch, trong đó, khoảng 2% sản xuất hữu cơ.

- **Đơn vị chủ trì:** UBND các huyện: Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Bù Đăng và các địa phương còn lại chủ trì xây dựng kế hoạch, thực hiện có mục tiêu tại địa phương theo từng giai đoạn, cụ thể:

+ *Giai đoạn 2023-2025:* Đến năm 2025, mỗi huyện đạt khoảng 26,9% diện tích sản xuất Tiêu sạch, trong đó, khoảng 1% sản xuất hữu cơ.

+ *Giai đoạn 2026-2030:* Đến năm 2030, mỗi huyện đạt khoảng 45% diện tích sản xuất Tiêu sạch, trong đó, khoảng 2% sản xuất hữu cơ.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn tiêu chí sản xuất an toàn, sản xuất có chứng nhận; các sở, ngành và đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

2.3. Đối với cây ăn quả

- **Nhiệm vụ:** Đến năm 2025 phát triển khoảng 21% diện tích cây ăn quả sản xuất sạch. Đến 2030 phát triển khoảng 30% diện tích cây ăn quả sản xuất sạch, trong đó có 1% sản xuất hữu cơ.

- **Đơn vị chủ trì:** UBND các huyện, thị xã, thành phố: mỗi đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch, thực hiện có mục tiêu phát triển cây ăn quả tại địa phương theo từng giai đoạn, cụ thể:

+ *Giai đoạn 2023-2025:* Đến năm 2025, mỗi huyện phát triển khoảng 21% diện tích cây ăn quả sản xuất sạch.

+ *Giai đoạn 2026-2030:* Đến năm 2030, mỗi huyện phát triển khoảng 30% diện tích cây ăn quả sản xuất sạch, trong đó, có 1% sản xuất hữu cơ.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn tiêu chí sản xuất an toàn, sản xuất có chứng nhận; các sở, ngành và đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

2.4. Đối với cây Rau, Lúa

- **Nhiệm vụ:** Đến năm 2025, phát triển sản xuất khoảng 3,3% diện tích cây Rau, Lúa sản xuất sạch. Đến năm 2030, có khoảng 7% diện tích cây Rau, Lúa sản xuất sạch.

- **Đơn vị chủ trì:** UBND các huyện, thị xã, thành phố mỗi đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch, thực hiện có mục tiêu phát triển Rau, Lúa tại địa phương theo từng giai đoạn, cụ thể:

+ *Giai đoạn 2023-2025:* Đến năm 2025, mỗi huyện phát triển sản xuất khoảng 3,3% diện tích cây Rau, Lúa sản xuất sạch.

+ *Giai đoạn 2026-2030:* Đến năm 2030, mỗi huyện có khoảng 7% diện tích cây Rau, Lúa sản xuất sạch.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn tiêu chí sản xuất an toàn, sản xuất có chứng nhận; các sở, ngành và đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

3. Chăn nuôi theo hướng an toàn, công nghệ cao

- **Nhiệm vụ:**

+ *Giai đoạn 2023-2025:* Tỷ lệ trang trại chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao đạt từ 70% trở lên; tỷ lệ chăn nuôi heo, gia cầm có kiểm soát, theo hướng an toàn đạt khoảng 90% tổng số cơ sở chăn nuôi. Triển khai xây dựng vùng an toàn dịch bệnh (ATDB) gia súc theo tiêu chuẩn Việt Nam tại 02 huyện, thị xã (Chơn Thành và Hớn Quản). Tiếp tục xây dựng và duy trì 07 vùng ATDB đối với gia cầm theo tiêu chuẩn Việt Nam tại các huyện, thị xã, thành phố: Đồng Phú, Đồng Xoài, Chơn Thành, Hớn Quản, Bình Long, Bù Đăng, Phú Riềng.

+ *Giai đoạn 2026-2030:* Tỷ lệ trang trại chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ chăn nuôi heo, gia cầm có kiểm soát, theo hướng an

toàn đạt khoảng 100% tổng số cơ sở chăn nuôi. Triển khai xây dựng và duy trì vùng ATDB đối với gia súc, gia cầm tại 11 huyện, thị xã, thành phố theo tiêu chuẩn Việt Nam. Đến năm 2030, xây dựng 06 huyện, thị xã, thành phố: Đồng Phú, Đồng Xoài, Chơn Thành, Bù Đăng, Hớn Quản, Phú Riềng đạt vùng ATDB gia súc, gia cầm theo tiêu chuẩn OIE.

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Nông nghiệp và PTNT.

- **Đơn vị phối hợp:** UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành, đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

4. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- **Nhiệm vụ:**

+ *Giai đoạn 2023-2025:* Hỗ trợ phát triển 100 hợp tác xã (HTX) NNUDCNC trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ *Giai đoạn 2026-2030:* Hỗ trợ phát triển 200 HTX NNUDCNC trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- **Đơn vị chủ trì:** UBND các huyện, thị xã, thành phố; mỗi đơn vị chủ trì thực hiện tại địa phương.

- **Đơn vị phối hợp:** Liên minh HTX tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT; các sở, ngành và đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

5. Phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp

- **Nhiệm vụ:**

+ *Giai đoạn 2023-2025:* Mở rộng đăng ký bảo hộ Chỉ dẫn địa lý “Hạt điều Bình Phước” ra thị trường nước ngoài; duy trì, phát triển các nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể đã được bảo hộ.

+ *Giai đoạn 2026-2030:* Tiếp tục phát triển thương hiệu “Hạt điều Bình Phước” ra thị trường nước ngoài; hỗ trợ, tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp khi phát sinh hồ sơ; duy trì phát triển các nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể đã được bảo hộ; có ít nhất 01 chỉ dẫn địa lý mới được bảo hộ.

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Đơn vị phối hợp:** UBND các huyện, thị xã, thành phố, Hội điều Bình Phước và các sở, ngành, đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

6. Phát triển sản phẩm OCOP và cấp mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói

- **Nhiệm vụ:**

+ *Giai đoạn 2023-2025:* Phát triển thêm 150 sản phẩm OCOP; phân đấu

50% diện tích sản xuất cây ăn trái có chứng nhận được cấp mã vùng trồng và 50% diện tích mã vùng trồng được cấp mã cơ sở đóng gói.

+ *Giai đoạn 2026-2030*: Phát triển thêm 200 sản phẩm OCOP; phần đầu 50% diện tích sản xuất cây ăn trái có chứng nhận được cấp mã vùng trồng và 50% diện tích mã vùng trồng được cấp mã cơ sở đóng gói (trong đó sản lượng trong diện tích có mã vùng trồng được tiêu thụ 100%).

- **Đơn vị chủ trì**: Sở Nông nghiệp và PTNT.

- **Đơn vị phối hợp**: UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành và đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện**: Hàng năm.

7. Triển khai thực hiện nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- **Nhiệm vụ**:

+ Triển khai thực hiện vùng NNUDCNC¹ đến năm 2030 khoảng 10.800 ha, trong đó, Đồng Phú 700 ha, Chơn Thành 600 ha, Hớn Quản 1.000 ha, Lộc Ninh 1.500 ha, Bù Đốp 1.500 ha, Bù Gia Mập 2.000 ha, Phú Riềng 1.500 ha, Bù Đăng 2.000 ha.

+ Triển khai thực hiện vùng sản xuất NNUDCNC trên cây ăn trái với diện tích 5.000 ha tại các huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Phú Riềng, Bù Đăng; vùng trồng Tiêu ứng dụng công nghệ cao với diện tích 3.000 ha tại các huyện: Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp; vùng trồng cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao gắn với tiêu thụ sản phẩm với diện tích 500 ha tại các huyện: Bù Gia Mập, Phú Riềng, Hớn Quản, Đồng Phú và Bù Đăng.

+ Triển khai diện tích chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 là 9.500 ha, trong đó: Đồng Phú 600 ha, Hớn Quản 1.500 ha, Lộc Ninh 1.500 ha, Bù Đốp 600 ha, Bù Gia Mập 2.500 ha, Phú Riềng 800 ha, Bù Đăng 2.000 ha.

- **Đơn vị chủ trì**: UBND các huyện, thị xã nêu trên: mỗi đơn vị chủ trì thực hiện tại địa phương.

- **Đơn vị phối hợp**: Các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện**: Hàng năm.

8. Về mô hình

- **Nhiệm vụ**:

+ *Giai đoạn 2023-2025*: Phát triển một số mô hình liên kết giữa NNUDCNC, nông nghiệp sạch, hữu cơ kết hợp với đô thị sinh thái - khu dân cư - du lịch - cảnh quan trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: Bù Đăng, Đồng Phú, Đồng Xoài, Chơn Thành.

+ *Giai đoạn 2026-2030*: Khai thác có hiệu quả các mô hình liên kết giữa NNUDCNC, nông nghiệp sạch, hữu cơ kết hợp với đô thị sinh thái - khu dân cư - du lịch - cảnh quan trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: Bù Đăng, Đồng

¹ Vùng NNUDCNC có thể bao gồm cả diện tích đang thực hiện và diện tích dự kiến sẽ thực hiện NNUDCNC.

Phú, Đồng Xoài, Chơn Thành.

- **Đơn vị chủ trì:** UBND các huyện, thị xã, thành phố: Bù Đăng, Đồng Phú, Đồng Xoài, Chơn Thành: mỗi đơn vị chủ trì thực hiện tại địa phương.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Nông nghiệp và PTNT; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; các sở, ngành và đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

9. Thu hút đầu tư về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ

- Nhiệm vụ:

+ Thu hút, kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư về NNUDCNC, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, công nghiệp chế biến nông sản... tại Bình Phước.

+ Tổ chức, tham gia các Hội chợ, sự kiện kết nối cung cầu và triển lãm nông sản, hàng hóa trong và ngoài tỉnh; tổ chức nâng cao kỹ năng xúc tiến thương mại nông nghiệp; tổ chức kết nối giao thương giữa doanh nghiệp, HTX tại Bình Phước với các tổ chức, doanh nghiệp, đối tác, kênh phân phối trong và ngoài nước nhằm thu hút đầu tư và tìm đầu ra cho nông sản, hàng hóa nông nghiệp của Bình Phước.

- **Đơn vị chủ trì:** Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch.

- **Đơn vị phối hợp:** Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế; các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp quản lý, lồng ghép các chương trình, dự án, nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.

- Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

Là cơ quan thường trực phối hợp với các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Định kỳ hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch và tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết giữa kỳ, tổng kết cuối kỳ.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo Kế hoạch

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, đơn vị có liên quan chủ động tổ chức thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và PTNT).



Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đài PT-TH&BBP, Hội Điều BP;
- Ngân hàng Nhà nước VN-Chi nhánh BP;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công ty CP Cao su Sông Bé;
- Công ty CP Cao su Đồng Phú;
- Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng;
- Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước;
- Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long;
- Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-2129/9).



 CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH

 Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
 (Kèm theo Kế hoạch số: 312 /KH-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2023
 của UBND tỉnh)

STT	Tên Dự án, chương trình	Kinh phí ngân sách (tỷ đồng)		Vốn khác (doanh nghiệp, nông dân, tài trợ...)	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Đầu tư	Sự nghiệp				
I	Xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	1.700			2025-2030	Ban Quản lý Khu kinh tế	- UBND các huyện, thị xã, thành phố - Sở Tài nguyên và Môi trường - Các đơn vị có liên quan.
II	Xây dựng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ						
1	Ứng dụng chuyển giao khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ		5	15	2023-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	- UBND các huyện, thị xã, thành phố - Liên minh Hợp tác xã tỉnh - Hội Nông dân tỉnh - Các đơn vị có liên quan.
2	Hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ		5	10	2023-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	- UBND các huyện, thị xã, thành phố - Liên minh Hợp tác xã tỉnh - Các đơn vị có liên quan.
III	Xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường						
1	Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm, dịch vụ trong nông nghiệp		5		2023-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND các huyện, thị xã, thành phố - Liên minh Hợp tác xã tỉnh - Hội Nông dân tỉnh - Các đơn vị có liên quan.

2	Hỗ trợ xây dựng khu trung bày, giới thiệu thực phẩm sạch xuất khẩu trên sàn giao dịch thương mại điện tử		2	4	2023-2025	Sở Công Thương	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND các huyện, thị xã, thành phố - Liên minh Hợp tác xã tỉnh - Hội Nông dân tỉnh - Các đơn vị có liên quan.
3	Tổ chức, tham gia các Hội chợ và triển lãm hàng nông sản, hàng hóa trong và ngoài tỉnh		3	6	2023-2025	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND các huyện, thị xã, thành phố - Liên minh Hợp tác xã tỉnh - Hội Nông dân tỉnh - Các đơn vị có liên quan.
4	Dự án tăng cường chuyển đổi số trong nông nghiệp		5	15	2023-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Quản lý mã vùng trồng, cơ sở đóng gói và truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh		2,5		2023-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	- UBND các huyện, thị xã, thành phố - Các đơn vị có liên quan.
Tổng cộng		1.700	27,5	50			

2. Tổng kinh phí dự kiến: 1.777,5 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách nhà nước: 1.727,5 tỷ (vốn đầu tư 1.700 tỷ; vốn sự nghiệp 27,5 tỷ).
- Vốn nguồn khác (doanh nghiệp, nông dân, tài trợ...): 50 tỷ.